|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu XB3-02**  Ban hành kèm theo TT số ……./2022/TT-BTTTT | **MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM** | Đơn vị báo cáo:  Doanh nghiệp/cơ sở phát hành |
| Ngày nhận báo cáo: Kỳ 6 tháng đầu năm: Trước 05/9. Năm: Trước 05/3 năm tiếp theo | **Năm [[Nam]]** | Đơn vị nhận báo cáo:  Cục XBIPH, Sở TT&TT (\*) |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Số lượng lao động trong lĩnh vực phát hành: | [[TongSoLaoDong]] | (người) |
| *1.1. Trong đó, nữ:* | [[TongSoLaoDongNu]] |  |
| *4.* Doanh thu lĩnh vực phát hành: | [[DoanhThuLinhVucPhatHanh]] | (Tỷ đồng) |
| 5. Số tiền cơ sở phát hành nộp NSNN [báo cáo năm]: | [[SoTienNopNSNN]] | (Tỷ đồng) |
| 6. Lợi nhuận sau thuế của cơ sở phát hành [báo cáo năm]: | [[LoiNhuanSauThue]] | (Tỷ đồng) |
| 9. Số lượng lao động tại các chi nhánh hạch toán phụ thuộc của cơ sở phát hành [báo cáo năm] (nếu có) | | |

*Đơn vị tính: Người*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên, địa chỉ chi nhánh** | **Mã địa bàn** | **Số lượng lao động** | **Trong đó, nữ** | **Ghi chú** |
| **A** | **B** | **C** | **1** | **2** | **3** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔNG HỢP, LẬP BIỂU** *(Thông tin người thực hiện)* |  | *….., ngày... tháng... năm 20...* **TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký điện tử)* |

*a) Khái niệm, phương pháp tính*

**Số lượng lao động trong lĩnh vực phát hành:** Là số lượng lao động hưởng lương tại cơ sở phát hành tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo.

**Doanh thu hoạt động phát hành:** Là tổng số tiền cơ sở phát hành thu được từ hoạt động phát hành XBP trong kỳ báo cáo.

**Số tiền cơ sở phát hành nộp NSNN:** Là tổng số tiền cơ sở phát hành phải nộp NSNN theo quy định của pháp luật trong kỳ báo cáo, gồm thuế, phí, lệ phí và các khoản nộp ngân sách khác.

**Lợi nhuận sau thuế của cơ sở phát hành:** Phần lợi nhuận hoặc chênh lệch thu chi còn lại của doanh nghiệp cơ sở phát hành sau khi trừ số tiền thuế TNDN phải nộp của kỳ báo cáo theo quy định.

*b) Cách ghi biểu*

|  |  |
| --- | --- |
| *Phần bảng* | *Chỉ báo cáo mục này khi doanh nghiệp có chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ sở kinh doanh tại địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác với địa bàn có trụ sở chính. Vd1: Doanh nghiệp phát hành có trụ sở chính tại TP.HCM, có chi nhánh tại tỉnh Long An là đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp thì Doanh nghiệp phát hành kê khai thông tin cho chi nhánh Long An. Vd2: Trường hợp Doanh nghiệp phát hành có trụ sở chính tại TP.HCM, có chi nhánh cũng tại địa bàn TP.HCM là đơn vị hạch toán phụ thuộc của doanh nghiệp thì không phải kê khai chi nhánh tại TP.HCM.* |
| *Cột* | *Nội dung* |
| (B) | Tên các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. |
| (C) | Mã số của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương theo địa chỉ của chi nhánh có tên tại Cột B. Ghi theo bảng danh mục và mã số đơn vị hành chính Việt Nam. |
| (1), (2) | Ghi số lượng lao động tương ứng của doanh nghiệp tại địa bàn hành chính có tên tại cột B. Số lượng lao động được tính bằng số bình quân của số đầu kỳ và số cuối kỳ. |
| *c) Nguồn* *số liệu* | |
|  | Biểu được lập từ thông tin, dữ liệu của doanh nghiệp phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh. |
| *(\*)* | *Báo cáo này gửi Cục XBIPH và Sở TT&TT nơi đơn vị báo cáo có trụ sở chính.* |